

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HS-ST

Ngày : 09 – 12 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Hồng**.

Bà **Đặng Thị Lệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Trung Hảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long, xét xử công khai trực tuyến với điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long và điểm cầu thành phần: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Vĩnh Long đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 10/5/1991, tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Nơi thường trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị C; Chồng Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979; Con: Bị cáo có 03 người con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2023; Bị cáo là con một trong gia đình.

Tiền án: 04 tiền án.

+ Ngày 22/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chưa chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự.

+ Ngày 09/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xử phạt 04 (Bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chưa chấp hành hình phạt.

+ Ngày 31/5/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xử phạt tổng hợp hình phạt: 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chưa chấp hành hình phạt.

+ Ngày 25/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xử phạt tổng hợp hình phạt: 07 (Bảy) năm 10 (Mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chưa chấp hành hình phạt.

Tiền sự: 01 tiền sự.

Ngày 17/9/2024, bị Công an xã T xử phạt 1.500.000đ về hành vi đánh bạc trái phép, chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Bà **Bùi Ngọc H**, sinh năm: 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Ông **Lê Thanh H1**, sinh năm: 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm: 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hồng T đã bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, kết án 07 năm 10 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đang được hoãn chấp hành hình phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Vào sáng ngày 08/12/2024, Nguyễn Thị Hồng T mượn xe mô tô biển số 64D1 - 439.53 của anh Nguyễn Văn H2, chở người bạn tên O (không rõ tên thật và địa chỉ) đi đến khu vực xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, tìm các tiệm tạp hóa nhỏ để lừa đảo. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến tiệm tạp hóa của ông Lê Thanh H1 và vợ là bà Bùi Ngọc H cùng ngụ ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long). O ngồi băng đá phía trước, còn T đi vào bên trong tiệm gặp ông H1 nói: “có bà chị mới trúng số nên muốn đặt 27 phần quà gồm: gạo, đường, nước tương, bột ngọt, mì tôm... để làm từ thiện”, mục đích T nói số lượng nhiều để không có hàng hóa liền tại tiệm giao cho T. Do số lượng hàng hóa T đặt nhiều nên ông H1 điện thoại cho bà H đang đi đám gần đó về gặp T nói chuyện và nhận đặt hàng theo số lượng T yêu cầu (không có làm hợp đồng bằng văn bản chỉ trao đổi bằng lời nói với nhau). Do tại tiệm không có đủ hàng hóa nên bà H hẹn 04 ngày sau sẽ cung cấp đủ hàng hóa cho T. Sau khi giao kết đặt hàng xong, T điều khiển xe chở O đi và bà H tiếp tục đi đám, ông H1 trông coi tiệm. Sau đó, T quay trở lại kêu ông H1 lấy 08 thẻ cào nạp tiền điện thoại mạng M2 và 08 thẻ cào nạp tiền điện thoại mạng V, tất cả các loại thẻ đều có mệnh giá 100.000 đồng. Khi ông H1 đưa 16 thẻ cào thì T nói với ông H1 đã tính tiền với bà H nên ông H1 tin tưởng giao thẻ cào cho T. Nhận thẻ cào xong, T chở O đi đến khu vực Cầu B, thuộc xã T (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) thì O xuống xe và T điều khiển xe đi về nhà. Sau đó, bán thẻ cào lại cho nhiều người (không xác định họ tên, địa chỉ), được số tiền 1.600.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Sau nhiều ngày vẫn không thấy T đến nhận hàng đã đặt, cũng không liên lạc được qua số điện thoại mà T đã cho, bà H và ông H1 nghi ngờ bị lừa đảo nên ngày 17/02/2025 bà H đến Công an xã H trình báo sự việc.

Quá trình điều tra xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, hình ảnh và cho nhận dạng, ông H1 và bà H xác định Nguyễn Thị Hồng T là người thực hiện hành vi chiếm đoạt 16 thẻ cào điện thoại mệnh giá 100.000đ vào ngày 08/12/2024.

Ngày 20/6/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Hồng T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết luận định giá tài sản số 250/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2025 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh V, kết luận: 08 (tám) thẻ cào nạp tiền điện thoại V, loại thẻ mệnh giá 100.000 đồng; 08 (tám) thẻ cào nạp tiền điện thoại Mobi, loại thẻ mệnh giá 100.000 đồng có tổng giá trị tính đến thời điểm ngày 08/12/2024 là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Đối với anh Nguyễn Văn H2 không biết bị cáo T mượn xe mô tô biển số 64D1 - 439.53 để đi thực hiện hành vi lừa đảo nên hành vi của anh H2 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với người tên O đi cùng với bị cáo T, do không xác định được họ, tên, địa chỉ nên không làm việc được. Khi nào làm việc được nếu có đủ căn cứ xác định có vai trò đồng phạm thì sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSKV4 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã tuyên 07 năm 10 tháng tù. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 08 năm 07 tháng tù đến 08 năm 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo đối với bị hại. Buộc bị cáo bồi thường tổng số tiền 1.600.000 đồng cho bị hại Lê Thanh H1 và Bùi Ngọc H.

- Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T nộp số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Vào khoảng 09 giờ ngày 08/12/2024, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đi đến tiệm tạp hóa của ông Lê Thanh H1 và bà Bùi Ngọc H tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long) dùng thủ đoạn đưa thông tin gian dối chiếm đoạt 16 thẻ cào nạp tiền điện thoại của bị hại, có giá trị là 1.600.000 đồng.

Do đó cáo trạng số: 05/CT-VKSKV4 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long truy tố hành vi của bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm một cách trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm tạo sự tin tưởng của ông H1, bà H để ông H1, bà H tự nguyện giao 16 thẻ cào nạp tiền điện thoại có giá trị là 1.600.000 đồng cho bị cáo. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo T đang có 04 tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thể hiện bị cáo nhiều lần bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy sự xem thường pháp luật cũng như ý thức cải tạo kém của bị cáo. Bị cáo đang trong thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù nhưng không khắc phục, sửa chữa mà còn tiếp tục vi phạm nên xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước, giúp bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Ngọc H và ông Lê Thanh H1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị của 16 thẻ cào nạp tiền điện thoại với tổng số tiền là 1.600.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện này. Do đó buộc bị cáo T phải bồi thường tổng số tiền 1.600.000 đồng cho bị hại ông Lê Thanh H1 và bà Bùi Ngọc H.

[6] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T: 09 (Chín) tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 07 (B1) năm 10 (Mười) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2024/HSST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải chấp hành hình phạt chung là 08 (T2) năm 07 (B1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải bồi thường cho bị hại ông Lê Thanh H1 và bà Bùi Ngọc H giá trị thẻ cào nạp tiền điện thoại với số tiền là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát - Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam Trung Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Ngô Thị Quyên